TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh P**

Số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Hải

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Kỳ - *Kiểm sát viên*

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Đình T và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Trước khi kết hôn, hai bên đã tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh đập bà P nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà P và ông T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay bà P xin được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đình T1, sinh ngày 01/3/2014. Khi ly hôn, bà P xin được nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, tính từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng thành. Hiện nay bà P không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Bà P và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P và ông T không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Quá trình giải quyết vụ án bà tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với bà P về quan hệ hôn nhân, thời gian mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T cho rằng ông không có cờ bạc, ông có đánh vợ nhưng chỉ đánh 03 lần, ông cũng có rượu chè nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay ông đã hạn chế. Theo ông T thì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng như bà P trình bày. Nay bà P xin ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn với bà P vì con thương yêu vợ con.

- Về con chung: Thống nhất như bà P trình bày. Trong trường hợp ly hôn thì ông T đồng ý cho bà P nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ tính từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ông T cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P

+ Về hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông T

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình T1, sinh ngày 01/3/2014 cho bà P nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, tính từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi)

+ Về tài sản chung: Bà P và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà P và ông T khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Bà Trần Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình T, đồng thời giải quyết về con chung giữa bà P và ông T. Xét ông T cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã L, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã phát sinh từ giữa năm 2017, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Theo bà P thì nguyên nhân mâu thuẫn do ông T cờ bạc, rượu chè và thường xuyên đánh đập bà P. Ông T thừa nhận có đánh bà P 03 lần, nhưng không cờ bạc và đã hạn chế rượu chè. Nay ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức nghiêm trọng và còn thường vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay vẫn chưa hóa giải được mâu thuẫn giữa vợ chồng và vẫn chưa khắc phục được những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà P xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà P và ông T không có khả năng hàn gắn, trình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh P, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Đình T1, sinh ngày 01/3/2014 hiện đang sống chung với bà P từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận giao con cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P và ông T thống nhất thỏa thuận, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, tính từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà P và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và ông T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị P và ông Nguyễn Đình T

2. Về nuôi con chung: Giao con tên Nguyễn Đình T1 – sinh ngày: 01/3/2014 cho bà P nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ *(hai triệu đồng),* thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

4. Về tài sản chung: Bà P và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

6. Về án phí: Bà P chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0005905 ngày 04/6/2018.

Ông T chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

8. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự.hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

9. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Hiệp;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên